

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đường Ngọc Đại và ông Nguyễn Xuân Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Xuân Tú - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Lưu Hoàng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2024/HSST ngày 18 tháng 01 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Thế N (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 01 tháng 11 năm 1992; nơi sinh: **Xã T, huyện S, thành phố Hà Nội**; Nơi cư trú: **Thôn M, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội**; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 10/12; Đảng, đoàn thể: Không; nghề nghiệp: Tự do; con ông **Đinh Văn C** và bà **Trần Minh X**; có vợ là **Lò Thị N1** và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: có 01 tiền án (tại bản án số 55/2020/HSST ngày 29 tháng 9 năm 2020, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xử phạt 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cưỡng đoạt tài sản”); nhân thân:

- Tại bản án số 32/2011/HSST ngày 14 tháng 3 năm 2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” (đã được xóa án tích).

- Tại Bản án số 68/2014/HSST ngày 23 tháng 9 năm 2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (đã được xóa án tích).

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13 tháng 10 năm 2023 đến nay, “có mặt”.

Người làm chứng: Ông **Hoàng Văn V**, sinh năm 1964; Địa chỉ: **Phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc**, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 12 tháng 10 năm 2023, **Trần Thế N** đang đi lang thang tại khu vực **X, phường P, tỉnh Vĩnh Phúc** thì có nhu cầu sử dụng ma túy đá. Tại đây, **N** gặp và mua 01 túi ma túy đá của một người đàn ông không rõ danh tính, địa chỉ cụ thể với giá 500.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, **N** cất ma túy vào túi quần trước bên phải **N** đang mặc và tìm nơi sử dụng. Khoảng 22 giờ 20 phút cùng ngày, khi **N** đi đến **đường H thuộc tổ dân phố X, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc** thì bị lực lượng **Công an phường P** kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, vật chứng:

- Thu tại túi quần trước bên phải của **Trần Thế N** đang mặc có 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa tinh thể dạng đá màu trắng, được cho vào phong bì ký hiệu A1 niêm phong theo quy định. **N** khai nhận là ma túy để sử dụng cá nhân.

- Thu giữ 100ml mẫu nước tiểu của **N** để giám định.

Tại Bản kết luận giám định số 2816/KLGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 của **Phòng K Công an tỉnh V**, kết luận: “Tinh thể dạng đá màu trắng có trong mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng 0,3349g (Không phảy ba ba bốn chín gam, không kể bao bì)”. Cơ quan giám định đã hoàn lại A1 = 0,2700 gam mẫu cùng toàn bộ bao gói.

Tại kết luận giám định số 2875/KLGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2023 của **Phòng K Công an tỉnh V** đối với mẫu nước tiểu thu giữ của **Trần Thế N**, kết luận: “Tìm thấy chất ma túy Methamphetamine trong mẫu nước tiểu thu của **Trần Thế N**, SN 1992, HKTT: **xã T, huyện S, thành phố Hà Nội** gửi đến giám định”. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục IIC, STT 247, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ. Cơ quan giám định hoàn lại 0,00ml mẫu cùng bao gói được niêm phong theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKSPY ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo **Trần Thế N** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo **Trần Thế N** về tội danh như đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **N** từ 01 năm 10 tháng đến 01 năm 11 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên của Cơ quan điều tra – Công an thành phố P, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn, trưng cầu giám định, lấy lời khai của bị can và những người tham gia tố tụng, kết luận điều tra, ban hành cáo trạng. Thời hạn điều tra, truy tố đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo không ai có khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Vì vậy, hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận như sau: Khoảng 22 giờ 20 phút ngày 12 tháng 10 năm 2023 tại khu vực tổ dân phố X, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, Trần Thế N có hành vi cất giấu tại túi quần phía trước bên phải 01 gói ma túy Methamphetamine có khối lượng 0,3349 gam với mục đích để sử dụng cá nhân thì bị Công an phường P, thành phố P bắt quả tang, thu giữ vật chứng theo quy định.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác. Phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Vật chứng thu giữ của vụ án, kết luận giám định khối lượng ma túy Methamphetamine của Phòng K - Công an tỉnh V,... Vì vậy có đủ cơ sở để kết luận Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã truy tố bị cáo Trần Thế N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, không oan sai.

Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

....

c) Heroine, CI, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR - 11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

[4] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bản thân bị cáo đã nhiều lần bị kết án và có 01 tiền án về tội nghiêm trọng nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện, nay tiếp tục cố ý phạm tội ngang nhiên mua ma túy (Methamphetamine) với mục đích sử dụng cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy. Gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo **Trần Thế N** trước khi phạm tội là người có nhân thân xấu, bản thân bị cáo đã 02 lần bị kết án và đã được xóa án tích về các tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã bị kết án về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xét thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo cao hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa mới đủ điều kiện để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện.

Đối với người đàn ông **N** khai đã bán ma túy cho **N**, cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng đến nay chưa xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo **Trần Thế N** làm nghề tự do không có thu nhập, tài sản do vậy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 0,2700 gam mẫu ma túy và toàn bộ bao gói niêm phong hoàn trả sau giám định cần tịch thu, tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Trần Thế N** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo **Trần Thế N** 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo ngày 13 tháng 10 năm 2023.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy 0,2700 gam mẫu ma túy cùng toàn bộ bao gói niêm phong hoàn trả sau giám định.

Các vật chứng, tài sản nêu trên có đặc điểm như trong biên bản giao nhận tài sản, vật chứng số 47 lập ngày 28 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Viện KSND T.Vĩnh Phúc;
- Viện KSND TP.Phúc Yên;
- CQĐT - Công an TP.Phúc Yên;
- Trại TG – CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- THADS TP.Phúc Yên;
- Sở Tư pháp T.Vĩnh Phúc;
- Bị cáo Trần Thế Ngọc;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Anh Vũ

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Thịnh

Đường Ngọc Đại

Lê Anh Vũ